

Số: 34/2021/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của
Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ,
công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán
bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan,
đơn vị khác;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định một số mức chi công tác phí, chi
hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân
sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và
hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 500/TTr-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2021; bãi bỏ Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An sửa đổi một phần của điểm g khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND./ *th*

Nơi nhận: *lq*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. *th*

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu tài chính bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là HĐND cấp huyện), Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này được áp dụng cho các đối tượng sau đây: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND các cấp và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động của HĐND.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND được bố trí trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của địa phương hằng năm, bảo đảm nguồn đáp ứng kịp thời, thống nhất về mức chi, mục chi, đối tượng chi trên cơ sở chế độ, định mức quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp các khoản chi có tính chất đột xuất cần thiết nhưng chưa được bố trí trong dự toán thì Thường trực HĐND tỉnh chuyển UBND tỉnh xem xét cân đối nguồn xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các Tổ đại biểu HĐND do HĐND cấp triệu tập bảo đảm.

4. Thường trực HĐND các cấp căn cứ dự toán được giao hàng năm và tình

hình thực tế của từng địa phương để bố trí mức chi cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức chi tại Nghị quyết này.

5. Các khoản chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước hoặc theo phê duyệt của Thường trực HĐND tỉnh. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi phục vụ kỳ họp HĐND

1. Chi xây dựng báo cáo, văn bản:

a) Báo cáo tổng hợp chung kết quả thảo luận tại các tổ:

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước, sau kỳ họp:

Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, năm của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

Cấp tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;

Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo;

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

đ) Báo cáo thẩm tra, tổng hợp thẩm tra các báo cáo trình kỳ họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;

Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

e) Văn bản chính thức của Thường trực HĐND về chương trình kỳ họp, định hướng thảo luận, nội dung kết luận chất vấn cho kỳ họp, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp:

Cấp tỉnh: 400.000 đồng/văn bản;

Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

2. Chế độ bồi dưỡng Chủ tọa, Thư ký kỳ họp:

a) Chủ tọa kỳ họp:

Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

3. Chế độ ăn, nghỉ:

Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp của HĐND được bố trí ăn, nghỉ tại các địa điểm do Thường trực HĐND cấp triệu tập quyết định.

a) Chế độ ăn:

- Đối với đại biểu HĐND các cấp, đại biểu dự kỳ họp theo giấy mời và các cán bộ, chuyên viên trực tiếp phục vụ:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

- Đối với phóng viên, lái xe, công an bảo vệ và phục vụ gián tiếp:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Những người không có nhu cầu bố trí ăn thì được thanh toán bằng tiền mặt theo ngày tham gia thực tế.

b) Chế độ phòng nghỉ:

Đại biểu HĐND tỉnh, khách mời, lái xe ở xa về dự các kỳ họp HĐND được bố trí phòng nghỉ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Trường hợp kỳ họp HĐND tổ chức vào ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ): đại biểu HĐND các cấp; cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ thêm tiền làm việc vào ngày nghỉ bằng định mức chế độ ăn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Chi xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết của HĐND: thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, giao ban, hội thảo, tập huấn của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND

Chế độ, định mức chi thực hiện như kỳ họp HĐND.

Điều 5. Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các thành phần tham gia và các đối tượng phục vụ đoàn giám sát, khảo sát được hỗ trợ như sau:

1. Chi hỗ trợ đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND:

a) Chủ trì đoàn giám sát, khảo sát:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên đoàn giám sát, khảo sát; thành phần mời tham gia đoàn, chuyên viên giúp việc của đoàn:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Phóng viên, lái xe, phục vụ (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã): 30.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng các văn bản thành lập Đoàn giám sát, khảo sát; kế hoạch

giám sát, khảo sát; đề cương giám sát, khảo sát:

Cấp tỉnh: 500.000 đồng/cuộc;

Cấp huyện: 300.000 đồng/cuộc;

Cấp xã: 100.000 đồng/cuộc.

3. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát:

Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/cuộc;

Cấp huyện: 600.000 đồng/cuộc;

Cấp xã: 300.000 đồng/cuộc.

Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri:

a) Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri các chi phí cần thiết như: trang trí, hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác.

Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND cấp huyện: 1.500.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri;

Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp xã: 300.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri.

b) Kinh phí hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp nào thì sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND cấp đó. Trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri của nhiều cấp tại một điểm, kinh phí hỗ trợ tính theo HĐND cấp cao nhất.

2. Chi hỗ trợ đại biểu tiếp xúc cử tri:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, đại biểu HĐND được hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức khoán như sau:

Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/đại biểu/năm;

Cấp huyện: 500.000 đồng/đại biểu/năm;

Cấp xã: 200.000 đồng/đại biểu/năm.

Điều 7. Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 8. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm

1. Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh:

Chủ tịch HĐND, Trưởng ban HĐND ở cấp tỉnh và cấp huyện thì được hưởng hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm hàng tháng theo Thông tư số 78/2005/BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

2. Ủy viên các Ban của HĐND, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh và HĐND cấp huyện được hưởng hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm hàng tháng, cụ thể như sau:

a) Đại biểu HĐND thuộc biên chế Nhà nước:

Ủy viên các Ban của HĐND: 4% mức lương hiện hưởng;

Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND: 3% mức lương hiện hưởng;

b) Đại biểu HĐND ngoài biên chế Nhà nước:

Ủy viên các Ban của HĐND: 20% mức lương cơ sở;

Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND: 15% mức lương cơ sở.

3. Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của HĐND cấp xã thì phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

4. Người nào kiêm nhiệm đồng thời nhiều chức danh thì chỉ được hưởng chức danh có mức hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 9. Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND các cấp

1. Chế độ báo chí: Do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

2. Hoạt động phí đối với đại biểu HĐND thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân:

Đại biểu HĐND tỉnh: hệ số 0,5 mức lương cơ sở;

Đại biểu HĐND cấp huyện: hệ số 0,4 mức lương cơ sở;

Đại biểu HĐND cấp xã: hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

3. Đại biểu HĐND không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực

hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND với định mức quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13:

Đại biểu HĐND tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu HĐND cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu HĐND cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày.

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND là ngày tham gia các hoạt động của HĐND theo kế hoạch, chương trình hoạt động của HĐND.

4. Chi hỗ trợ phương tiện đi lại:

Đại biểu HĐND ngoài biên chế được hỗ trợ tiền phương tiện đi lại tham dự các kỳ họp với mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/đại biểu/kỳ họp

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Vùng núi cao	400.000	150.000	100.000
Vùng núi thấp	300.000	100.000	80.000
Vùng đồng bằng	200.000	80.000	60.000

5. Chi tiền trang phục (lễ phục):

Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp tiền may 01 bộ lễ phục với mức chi:

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/đại biểu;

Cấp huyện: 1.500.000 đồng/đại biểu;

Cấp xã: 1.200.000 đồng/đại biểu.

Trường hợp đại biểu HĐND nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.

6. Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe:

Đại biểu HĐND được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ với mức như sau:

Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/năm;

Cấp huyện: 700.000 đồng/người/năm;

Cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

Trường hợp đại biểu HĐND nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.

Đối với năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

7. Chi trang cấp thiết bị:

a) Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh được trang cấp 01 máy vi tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng kèm theo các phụ kiện và thiết bị kết nối internet.

Đối với HĐND cấp huyện, tùy điều kiện cụ thể của địa phương, Thường trực HĐND cùng cấp quyết định việc trang cấp thiết bị cho đại biểu hoạt động chuyên trách nhưng mức chi tối đa không vượt quá quy định của Nhà nước.

Trường hợp đại biểu HĐND nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.

b) Đối với các đối tượng phục vụ trực tiếp hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: Do Thường trực HĐND quyết định.

8. Chi khoán cấp tài liệu:

Ngoài các loại báo chí đã được quy định tại khoản 1 Điều này, đại biểu HĐND được khoán cấp tài liệu (khai thác internet, mua các loại tài liệu, báo chí phục vụ hoạt động đại biểu) với mức chi:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/tháng;

Cấp xã: 30.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp đại biểu HĐND nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.

Điều 10. Chế độ công tác phí và nhiên liệu

1. Chế độ công tác phí: thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND. HĐND chỉ thanh toán công tác phí và các chi phí khác cho đại biểu đi giám sát, khảo sát hoặc thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực, lãnh đạo các Ban HĐND.

Chế độ công tác phí của đại biểu HĐND đi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu do cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.

2. Chế độ nhiên liệu: Đối với đại biểu HĐND kiêm nhiệm có sử dụng xe của cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác để thực hiện nhiệm vụ của HĐND thì cơ quan đó đưa vào dự toán kinh phí hàng năm phục vụ hoạt động của đại biểu HĐND trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.

Đối với đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách có chế độ bố trí xe đi công tác thì được bố trí phương tiện theo quy định hoặc thực hiện theo hình thức khoán. Hình thức và định mức khoán do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 11. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND các cấp

1. Thuê chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: Tùy theo nội dung và tính chất của

chuyên đề, Thường trực HĐND ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/chuyên đề.

2. Nghiên cứu tài liệu: đại biểu HĐND được khoán chi nghiên cứu tài liệu với mức chi:

Cấp tỉnh:	1.000.000 đồng/người/năm;
Cấp huyện:	500.000 đồng/người/năm;
Cấp xã:	200.000 đồng/người/năm.

Đối với đại biểu chuyên trách được thực hiện khoán chi nghiên cứu tài liệu với mức gấp đôi mức chi trên.

3. Công tác tham vấn ý kiến nhân dân; thông tin, tuyên truyền các hoạt động của HĐND các cấp; đại biểu HĐND đi học tập kinh nghiệm, trao đổi kỹ năng hoạt động và các điều kiện khác bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND chuyên trách do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

4. Xây dựng các báo cáo phục vụ họp, hội nghị, giao ban, hội thảo của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; văn bản thẩm tra và cho ý kiến của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND đối với những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp:

Cấp tỉnh:	500.000 đồng/văn bản;
Cấp huyện:	200.000 đồng/văn bản;
Cấp xã:	100.000 đồng/văn bản.

5. Thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp:

a) Thăm hỏi: đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực HĐND ốm đau được thăm hỏi với mức:

Cấp tỉnh:	1.000.000 đồng/người/lần;
Cấp huyện:	500.000 đồng/người/lần;
Cấp xã:	300.000 đồng/người/lần.

b) Thăm viếng: gồm 01 bức trướng và lễ viếng với mức:

- Đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần:

Cấp tỉnh:	1.500.000 đồng/người;
Cấp huyện:	700.000 đồng/người;
Cấp xã:	500.000 đồng/người.

- Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực HĐND từ trần:

Cấp tỉnh:	1.000.000 đồng/người;
-----------	-----------------------

Cấp huyện: 500.000 đồng/người;

Cấp xã: 300.000 đồng/người.

c) Trợ cấp đại biểu HĐND đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt khó khăn đột xuất:

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/lần, chỉ không quá 2 lần/người/năm;

Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người/lần, chỉ không quá 2 lần/người/năm;

Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/lần, chỉ không quá 2 lần/người/năm.

d) Đối với cán bộ, công chức, người lao động và cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con của cán bộ công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND: được áp dụng như đối với đại biểu HĐND cùng cấp.

đ) Trường hợp đặc biệt khác: do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

6. Tặng quà các đối tượng chính sách; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh, người có công, các đơn vị làm công tác chính sách; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các trường hợp gặp rủi ro, thiên tai và các trường hợp đối ngoại khác: hình thức tặng quà và giá trị quà tặng do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định nhưng không vượt quá mức 2.000.000 đồng đối với cá nhân và 5.000.000 đồng đối với tập thể.

7. Tặng quà lưu niệm:

a) Đại biểu HĐND khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi địa phương mà mình là đại biểu được tặng quà lưu niệm với mức chi:

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người;

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/người;

Cấp xã: 500.000 đồng/người.

b) Khi kết thúc nhiệm kỳ: đối tượng và quà tặng do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

8. Một nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (không bao gồm đại biểu HĐND tỉnh) được cấp tiền may 01 bộ trang phục với mức chi 2.500.000 đồng/người.

Đối với cán bộ, công chức thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND do Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã tùy vào điều kiện ngân sách địa phương để quyết định nhưng mức chi tối đa không vượt quá 1.200.000 đồng/người.

Chương III**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn HĐND các cấp thực hiện chế độ, định mức chi tiêu tài chính theo quy định tại Nghị quyết này.
2. UBND tỉnh cân đối, bảo đảm nguồn kinh phí để bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm phục vụ hoạt động của HĐND các cấp theo quy định tại Nghị quyết này. / *th* ✓

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

